TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 06/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Phước – Phó trưởng Phòng tài nguyên và môi trường huyện Tam Bình.

2. Ông Nguyễn Hiếu Nhân – Phó trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Tam Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Trung Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Dương Văn T1 (C), sinh năm 1985 (ngày 05/01/2018 bị cáo được cấp căn cước công dân sinh năm 1987) tại xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C và bà Võ Thị T; anh chị em ruột có 06 người (lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1991);

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2017 đến ngày 21/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh, tại ngoại cho đến nay (*có mặt*).

2. Họ và tên: Nguyễn Quốc B1, sinh năm 1994 tại xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp Z, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T; anh em ruột có 02 người (lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2000);

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2017 đến ngày 21/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh, tại ngoại cho đến nay (*có mặt*).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1970 tại xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp Z, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Huỳnh Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Kim T và 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000); anh chị em ruột có 06 người (lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất sinh năm 1972);

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2017 đến ngày 21/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh, tại ngoại cho đến nay (*có mặt*).

4. Họ và tên: Vũ Văn B2, sinh năm 1993 tại xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V và bà T; anh em ruột có 02 người (lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2004);

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2017 đến ngày 21/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh, tại ngoại cho đến nay (*có mặt*).

- *Người bào chữa*: Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc B là ông Đinh Quốc A – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 162A/10 đường N, phường Z, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Nguyên đơn dân sự:* Tập đoàn bưu chính viễn thông V

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức L - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở: Số Z H, phường L, quận Đ, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng Q - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm viễn thông T.

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017). Ông Q vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Quang D, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Z, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4. Ông Dương Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo B1, T1, T2 và B2 là công nhân làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng S có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh (trong đó bị cáo T2 và bị cáo B1 là cha con ruột) với nhiệm vụ chung là bó cáp và làm gọn hệ thống dây cáp treo trên trụ điện lực theo tuyến quốc lộ 1 từ thị xã B đến đầu lộ 16 thuộc ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/10/2017 trong lúc đang ngồi nghỉ trưa tại khu vực ấp P, xã S, huyện T thì T1 rủ T2, B1, B2 cùng cắt trộm dây cáp viễn thông để bán lấy tiền tiêu xài được T2, B1, B2 đồng ý cùng thực hiện. T1 trèo lên trụ điện số 44; B1 trèo lên trụ điện số 32 rồi dùng kiềm cắt đứt hai đầu dây cáp đồng loại 100 x 2 x 0.4 được mắc vào trụ điện số 44 – 32. Sau đó B1, T1 trèo lên trụ điện 32 - 31, 31 - 30, 30 - 29, 29 - 28 cắt cho các đoạn cáp đứt rơi xuống. T2 và B2 cuộn từng đoạn dây cáp lại thành cuộn tròn. Khi T1, B1 cắt được 05 đoạn dây cáp thì bị Công an xã S kiểm tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với: B1, T1, T2 và B2. Tang vật thu giữ gồm: 04 đoạn dây cáp đồng được cuộn tròn tổng chiều dài 87 mét và một số dụng cụ như: 01 cây kiềm cộng lực; 04 cây kiềm cắt; 01 chìa khóa 22; 11 đoạn kim loại màu đen dài 30 cm, 01 đoạn kim loại màu đen dài 35 cm; 03 túi xách đựng dụng cụ; 02 xe mô tô biển số 95D1 - 103.37 và 54V4 - 2993. Khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phát hiện và thu giữ thêm một đoạn dây cáp đồng được cuộn tròn để gần trụ điện số 44 mà các bị cáo khai nhận đã cắt vào ngày 16/10/2017 nhưng chưa kịp gom chung lại, đoạn dây cáp có chiều dài 57,4 mét.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Nguyễn Quốc B1 và Dương Văn T1 khai nhận: Vào khoảng 10 giờ ngày 10/10/2017, B1 và T1 thi công bó cáp viễn thông, khi đến khu vực ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì T1 nhìn thấy tuyến dây cáp viễn thông có ruột dây bằng đồng loại 100 x 2 x 0.4 đầu dây còn

để trống, chưa được đấu nối vào hệ thống viễn thông nên T1 rủ B1 cắt trộm bán lấy tiền tiêu xài và được B1 đồng ý. B1 và T1 mỗi người leo lên một trụ điện, dùng kiềm cắt đứt đoạn cáp viễn thông từ trụ số 26 đến trụ số 28, tổng chiều dài 48 mét rồi đem cất giấu dưới lề cỏ. Đến ngày 13/10/2017, B1 và T1 dùng kiềm cắt đoạn cáp ra thành nhiều đoạn ngắn, lấy ruột cáp đồng bên trong đem bán cho người mua ve chai (không rõ họ, tên, địa chỉ) được số tiền 60.000 đồng. B1 chia cho T1 30.000 đồng và giữ lại 30.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu được 06 đoạn vỏ nhựa màu đen (vỏ dây cáp, không còn ruột dây đồng bên trong) nằm dưới ao nước cách nơi bắt quả tang khoảng 04 mét.

Căn cứ vào kết luận định giá số: 24/KLĐG.ĐGTSTTTHS ngày 30/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long, xác định: Giá trị 144,4 mét dây cáp loại 100 x 2 x 0.4, tỷ lệ còn lại 70% tại thời điểm ngày 16/10/2017 là 17.689.000 đồng.

Căn cứ vào kết luận định giá số: 25/KLĐG. ĐGTSTTTHS ngày 30/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long, xác định: Giá trị 48 mét dây cáp loại 100 x 2 x 0.4, tỷ lệ còn lại 70% tại thời điểm ngày 10/10/2017 là 5.880.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Hoàng Q1 là người dại diện theo ủy quyền của Tập đoàn bưu chính viễn thông V (theo Giấy ủy quyền số 6064/GUQ-VNPT-PCTT, ngày 20/11/2017) đã nhận đủ số tiền 23.569.000 đồng do gia đình các bị cáo khắc phục, ông Q không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Trong đó: Gia đình bị cáo T1 khắc phục là 7.362.000 đồng, gia đình bị cáo B2 khắc phục là 4.422.000 đồng, gia đình bị cáo B1 và bị cáo T2 khắc phục là 11.785.000 đồng.

Đối với người đã mua 48 mét dây đồng, do không biết họ, tên và địa chỉ, cơ quan điều tra không làm việc được nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với các dụng cụ, đồ vật, phương tiện đã thu giữ, qua điều tra đã làm rõ không có liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên ngày 20/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành: Trả cho bị cáo B1 01 cây kiềm cộng lực màu đen, trên thân có ký hiệu "600 và 24", cán bọc nhựa màu đen, chiều dài 47cm; Trả cho bị cáo T2 01 xe môtô biển số 95D1 - 103.37, 01 giỏ xách màu tím có ký hiệu HerLizt, 03 cây kiềm cắt bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh đen, nhãn hiệu Licota; Trả cho bị cáo T1 01 giỏ xách màu đen đã qua sử dụng; Trả cho bị cáo B2 01 giỏ xách màu đen hiệu WOLFKING đã qua sử dụng, 01 cây kiềm cắt bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh đen, nhãn hiệu Licota, 08 đoạn kim loại màu đen, mỗi đoạn dài 30cm.

Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ xe mô tô biển số 54V4 - 2993 là của anh Trần Quang D mua lại của ông Nguyễn Văn S nhưng chưa sang tên, anh D cho bị cáo B1 mượn để làm phương tiện đi làm, không hay biết việc B1

sử dụng làm phương tiện đi phạm tội nên đã trả lại cho anh D là đúng quy định pháp luật.

Đối với các vật chứng được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội như: 02 cây kiềm cắt bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh đen, nhãn hiệu Licota, 01 cây chìa khóa 22 bằng kim loại màu đen có ký hiệu CHROME-VANADIUM, 01 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 35cm và 03 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 30cm còn được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản cáo trạng số: 01/CTr-VKS ngày 12/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố các bị cáo Dương Văn T1, Nguyễn Quốc B1, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn B2 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Tại Bản cáo trạng số 01 ngày 12/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố các bị can T1, B1, T2, B2 tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; tại phiên Tòa hôm nay, sau khi xem xét Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao giữa khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 mức hình phạt giữ nguyên nên Viện kiểm sát áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để đề nghị Tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 138. Kiểm sát viên tóm tắt nội dung vụ án. Đối với bị cáo Dương Văn T1 là người giữ vai trò chính, bị cáo đã chủ động rủ rê bị cáo B1 thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 10/10/2017. Đến ngày 16/10/2017 bị cáo tiếp tục rủ rê các bị cáo B1, B2 và T2 cùng thực hiện hành vi phạm tội, mục đích để bán tài sản chia tiền nhau tiêu xài. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng "phạm tội nhiều lần" được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ sức khỏe và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có nhiều tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lôi kéo đồng bọn cùng thực hiện hành vi phạm tội. Lối sống của bị cáo là một lối sống thực dụng, bị xã hội lên án, do đó cần thiết phải xử bị cáo bằng một bản án vừa mang tính răn đe, vừa mang tính giáo dục để bị cáo sớm thức tỉnh trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Xét về nhân thân, bị cáo Dương Văn T1 chưa có tiền án, tiền sự, về tính chất đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, và có các tình tiết giảm nhẹ như: Khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông nội có tên Dương Văn C đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng

cho bị cáo, được quy định tại điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc B1 với vai trò đồng phạm là người thực hiện. Bị cáo biết và nhận thức được khi bị cáo T1 rủ lấy trộm tài sản mà cụ thể là cắt trộm cáp viễn thông là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tham lam, muốn có tiền để tiêu xài và đạt được những thú vui riêng mà khi bị cáo nghe bị cáo T1 rủ thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không khuyên ngăn mà còn lại đồng ý ngay và tích cực chuẩn bị công cụ như kiềm cắt, đoạn kim loại để leo và cùng đồng bọn thực hiện 02 lần phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tăng nặng "phạm tội nhiều lần" được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét về tính chất, bị cáo phạm tội có tính chất ít nghiêm trọng, và có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bản thân bị bệnh làm hạn chế khả năng nghe, được nhận trợ cấp hàng tháng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, được quy định tại điểm b, g, n, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Vũ Văn B2 với vai trò đồng phạm là người thực hiện. Bị cáo biết và nhận thức được khi bị cáo T1 rủ lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cũng chỉ vì tham lam, muốn có tiền để tiêu xài và đạt được những thú vui riêng mà khi bị cáo nghe bị cáo T1 rủ thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không khuyên ngăn, mà còn lại đồng ý ngay và cùng với bị cáo T1, B1 và T2 cùng thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật. xét về tính chất, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân chưa có tiền án, tiền sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cậu ruột tên Trần Viết H được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 với vai trò đồng phạm là người giúp sức. Bị cáo là người lớn tuổi nhất trong số bốn bị cáo, đủ biết và nhận thức được khi bị cáo T1 rủ cắt trộm cáp viễn thông là vi phạm pháp luật nhưng cũng chỉ vì tham lam, muốn có tiền để tiêu xài không phải bỏ nhiều sức lao động mà khi nghe bị cáo T1 rủ thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không khuyên ngăn, mà còn lại đồng ý ngay và cùng với bị cáo T1, B2 và con của mình là bị cáo B1 cùng thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật. Tuy nhiên, xét về tính chất bị cáo phạm tội

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân chưa có tiền án, tiền sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Căn cứ vào diễn biến công khai tại phiên tòa ngày hôm nay và kết quả điều tra vụ án đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Dương Văn T1, Nguyễn Quốc B1, Vũ Văn B2 và Nguyễn Văn T2 đã phạm tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009.

Mặc dù các bị cáo T1, B1, B2, T2 phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc dạng giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ mang tính bộc phát.

Từ những phân tích trên, kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn T1, Nguyễn Quốc B1, Vũ Văn B2 và Nguyễn Văn T2 phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị xử phạt bị cáo T1 mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị xử phạt bị cáo B1 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị xử phạt bị cáo T2 mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị xử phạt bị cáo B2 mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Hoàng Q làm đại diện theo ủy quyền của tập đoàn bưu chính viễn thông V đã nhận đủ số tiền theo yêu cầu, không còn yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Đề nghị tịch thu sung công:

+ 05 đoạn dây cáp đồng loại 100 x 2 x 0.4, tổng chiều dài 144,4 mét.

+ 02 cây kiềm cắt bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh đen, nhãn hiệu Licota.

+ 01 cây chìa khóa 22 bằng kim loại màu đen có ký hiệu CHROME-VANADIUM.

+ 01 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 35cm và 03 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 30cm.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 06 đoạn dây cáp loại 100 x 2 x 0.4, bên trong rỗng không còn ruột.

+ 01 đoạn vỏ nhựa dài 10cm.

Về án phí: Áp dụng Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T1, T2, B2 mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Miễn án phí hình sự cho bị cáo B1.

- Ông Đinh Quốc A bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc B1 trình bày quan điểm bảo vệ: Bị cáo B1 sinh ra đã là người khuyết tật nặng, hai tai bị teo nhỏ nên ảnh hưởng lớn đến việc nghe của bị cáo. Vì không nghe được nên làm ảnh hưởng đến việc nói của bị cáo vì việc nghe và nói đi chung với nhau, không nghe được thì sẽ không nói được. Miệng của bị cáo bị hở hàm ếch. Bị cáo B1 học hành không đến nơi đến chốn, chỉ học đến lớp 6 rồi nghỉ. Tuy bị cáo B1 trưởng thành nhưng tâm trí như đứa trẻ lên 10 nên nhận thức bị hạn chế, không biết việc làm của mình vi phạm pháp luật; chỉ đến khi Công an bắt tạm giam mới biết vi phạm pháp luật. Sau khi phạm tội, bị cáo B1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trước cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát cũng như tại phiên tòa hôm nay. Tài sản trộm cắp được đã thu hồi. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; từ nhỏ đến lớn không có phạm tội, là đứa trẻ ngoan. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; không có tiền án tiền sự; gia đình lao động nghèo; trình độ học vấn thấp 6/12 và bị khuyết tật nặng nên trình độ nhận thức pháp luật bị hạn chế nên phát sinh việc vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là 01 năm tù cho hưởng án treo. Mức án đó cũng đủ giáo dục bị cáo, cho bị cáo có cơ hội làm việc phụ giúp gia đình cũng như có điều kiện điều trị bệnh của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Dương Văn T1 không nói lời sau cùng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội.

- Bị cáo Vũ Văn B2 nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo hứa không phạm tội nữa.

- Bị cáo Nguyễn Quốc B1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi, xin Tòa xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/10/2017, tại khu vực ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Dương Văn T1 rủ Nguyễn Quốc B1, Vũ Văn B2 và Nguyễn Văn T2 cùng thực hiện hành vi cắt trộm tuyến dây cáp viễn thông dự phòng loại 100 x 2 x 0.4 chưa được kết nối vào hệ thống viễn thông của của Tập đoàn bưu chính viễn thông V để bán lấy tiền tiêu xài. Khi T1, B1, T2 và B2 cắt được 05 đoạn dây cáp, tổng chiều dài 144,4 mét có trị giá 17.689.000 đồng thì bị Công an xã S, huyện T phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn chứng minh được vào khoảng 10 giờ ngày 10/10/2017, Nguyễn Quốc B1 và Dương Văn T1 đã cắt trộm 48 mét dây cáp viễn thông dự phòng loại 100 x 2 x 0.4 chưa được kết nối vào hệ thống viễn thông của của Tập đoàn bưu chính viễn thông V, trị giá 5.880.000 đồng đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Hành vi của các bị cáo T1, B1, T2, B2 đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật như trong Cáo trạng và lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[2] Xét các bị cáo đều là thanh niên, thuộc thành phần lao động. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật hình sự trừng trị. Nhưng với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân. Sau khi nghe bị cáo T1 rủ đi cắt trộm dây cáp viễn thông thì các bị cáo B1, T2, B2 cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Trong khi trước đó, vào ngày 10/10/2017 bị cáo T1 và bị cáo B1 đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội cắt trộm dây cáp viễn thông tổng chiều dài 48 mét. Các hành vi phạm tội của các bị cáo đã thể hiện ý thức hết sức xem thường pháp luật, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Trong vụ án, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn với vai trò cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, có thể thấy bị cáo T1 phạm tội với vai trò tích cực hơn cả, chính bị cáo là người rủ các bị cáo B1, T2, B2 đi cắt trộm dây cáp ngày 16/10/2017; trước đó bị cáo T1 đã rủ bị cáo B1 cũng thực hiện hành vi trộm tương tự. Hành vi phạm tội của bị cáo T1 và B1 đã phạm vào tình tiết "*phạm tội nhiều lần*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và hậu quả đã gây ra để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo. Cần xét xử các bị cáo T1 một mức hình phạt cao hơn đối với bị cáo B1 và cao hơn đối với bị cáo T2, bị cáo B2 về tội trộm cắp tài sản.

[3] Về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện theo pháp luật của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T1, bị cáo B2 có gia đình có công với cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo T2, bị cáo B2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Riêng đối với bị cáo B1 đang được hưởng trợ cấp hàng tháng của Phòng lao động – thương binh và xã hội huyện L, tỉnh Hậu Giang trợ cấp từ tháng 3/2014 đến nay thuộc diện đối tượng khuyết tật nặng. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định áp dụng các tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo và căc cứ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 51 áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo B1: người phạm tội là người khuyết tật nặng.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 02 cây kiềm cắt bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh đen, nhãn hiệu Licota; 01 cây chìa khóa 22 bằng kim loại màu đen có ký hiệu CHROME-VANADIUM; 01 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 35cm và 03 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 30cm; 01 đoạn vỏ nhựa dài 10cm; 06 đoạn dây cáp bên trong rỗng không còn ruột nay không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình năm 2015 sự tịch thu và tiêu hủy.

- 05 cuộn dây cáp đồng loại 100 x 2 x 0.4 có tổng chiều dài 144,4m cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2018.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Hoàng Q là người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn bưu chính viễn thông V đã nhận xong tiền bồi thường; tại phiên Tòa sơ thẩm ông Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét cần chấp nhận một phần lời bào chữa của ông Đinh Quốc A đối với bị cáo Nguyễn Quốc B1.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T1, T2, B2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo B1 không phải chịu án phí.

[8] Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; Điều 20 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 tuyên bố các bị cáo Dương Văn T1, Nguyễn Quốc B1, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn B2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ vào các điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Dương Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án (06/3/2018). Giao bị cáo Dương Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.2 Căn cứ vào các điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B1 01 (một) năm tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án (06/3/2018). Giao bị cáo Nguyễn Quốc B1 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.3 Căn cứ vào các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án (06/3/2018). Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.4 Căn cứ vào các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Vũ Văn B2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án (06/3/2018). Giao bị cáo Vũ Văn B2 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Hoàng Q là người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn bưu chính viễn thông V đã nhận xong tiền bồi thường; tại phiên Tòa sơ thẩm ông Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu và tiêu hủy: 02 cây kiềm cắt bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh đen, nhãn hiệu Licota; 01 cây chìa khóa 22 bằng kim loại màu đen có ký hiệu CHROME-VANADIUM; 01 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 35cm và 03 đoạn kim loại màu đen có chiều dài 30cm; 01 đoạn vỏ nhựa dài 10cm; 06 đoạn dây cáp bên trong rỗng không còn ruột.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 05 cuộn dây cáp đồng loại 100 x 2 x 0.4 có tổng chiều dài 144,4 mét.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2018.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Dương Văn T1, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn B2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Quốc B1 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Hùng